TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BỈM SƠN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số:03/2025/HNGĐ-ST
Ngày 17- 01 - 2025
V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BỈM SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Tống Thị Hà
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Văn Thoa
Ông Hoàng Văn Lược

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Lan, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 17 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 134/2024/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2024, vÒ viÖc "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2024/Q§XXST - HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2025 giữa:

Nguyên đơn: Bà Đặng Thị B, sinh năm 1964

Địa chỉ: SN A đường T, khu phố E, phường B, thị xã B, tỉnh Thanh Hóa (vắng mặt có lý do).

Bị đơn: Ông Vũ Trung T, sinh năm 1944

Địa chỉ: SN B đường B, khu phố A, phường B, thị xã B, tỉnh Thanh Hóa (vắng mặt có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 16/10/2024 nguyên đơn trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông T kết hôn năm 2020 tại UBND phường B, thị xã B, tỉnh Thanh Hóa (có đăng ký kết hôn). Ông bà chung sống từ đó cho đến cuối tháng 11/2022. Từ tháng 12/2024 đến nay ông bà ly thân, bà đã về sống tại số nhà A đường T, khu phố E, phường B, thị xã B, tỉnh Thanh Hóa. Nguyên nhân chính là do bà và ông T không hợp nhau, cuộc sống ngày càng nặng nề, thường xuyên xảy

ra mâu thuẫn vì liên quan đến con riêng của ông T. Mặc khác, bà luôn bị các con ông T mạt sát, chửi bới, hành hạ xua đuổi, ảnh hưởng lớn đến tinh thần, tư tưởng và sức khoẻ của bà. Trong thời gian chung sống bà dùng tiền lương hưu của bà nuôi ông T và con riêng của ông T, còn lương hưu của ông T thì ông nói để gửi tiết kiệm vào ngân hàng, đứng tên ông T và ông gửi ngân hàng nào, số tiền bao nhiêu ông không nói cho bà biết cụ thể.

Bà thiết nghĩ tình cảm vợ chồng giữa bà và ông T không còn, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, gay gắt, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà làm đơn xin được ly hôn ông Vũ Trung T.

- Về con chung: Ông bà không có con chung.

- Về tài sản: Có 03 sổ tiết kiệm đứng tên ông T với số tiền 80.000.000đ, ông T gửi ở Quỹ Tín Dụng N, B, Thanh Hóa; 01 giàn Karaoke mua ngày 27/3/2022, mua giá 22 triệu (có hoá đơn); T1 và giường mua ngày 08/6/2022, giá mua 13,4 triệu (có hoá đơn); 01 tủ lạnh mua năm 2022 giá mua 10 triệu đồng (không lấy hoá đơn); 01 tủ quần áo bằng gỗ mua năm 2022, giá mua 8 triệu đồng; 05 bộ bàn ăn bằng nhựa mua năm 2022, giá mua 8 triệu đồng; 01 ghế gỗ nằm mua năm 2022 giá mua 2 triệu đồng; 01 bể cá cảnh mua năm 2022, giá 05 triệu; 01 ti vi nhãn hiệu Sony mua năm 2022, giá 12 triệu.

Bà đề nghị Toà án chia số tiền như sau: Ba sổ tiết kiệm có 80 triệu ông T trả cho bà 40 triệu đồng. Tiền lương của bà nuôi ông T từ năm 2020 đến khi bà và ông T ly thân 230.400.000 đồng, ông T trả lại cho bà 115.200.000 đồng. Tổng giá trị tài sản gồm 7 món nêu trên là 62.200.000 đồng, ông T trả lại cho bà 31.100.000 đồng. Bà đã lấy về nhà bà 01 tủ gỗ đựng quần áo giá 8 triệu. Sau này bà trả lại cho ông T 4.000.000 đồng. Tất cả tài sản gồm 07 món nêu trên đang ở nhà ông T.

* Về phía bị đơn: Tại bản tự khai ngày 11/11/2024 bị đơn trình bày:

- Về hôn nhân: Ông và bà Đặng Thị Bích kết H trên cơ sở tự nguyện và được sự đồng ý của hai bên gia đình. Vợ chồng đăng ký kết hôn tại UBND phường B, thị xã B năm 2020. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vì do hai bên đều đến với nhau là lấy lần hai, trong thời gian chung sống vì ông ốm bà Đặng Thị Bích B1 về nhà không chăm sóc ông, từ đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Bà B đã bỏ về tại khu phố E, phường B, thị xã B ở một năm nay và vợ chồng cũng ly thân từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay, ông xét thấy tình cảm giữa hai bên không còn nên nếu bà B làm đơn ly hôn ông cũng đồng ý.

- Về con chung: Vợ chồng không có con chung nên không đề nghị Toà án giải quyết.

- Về tài sản: Vợ chồng có tài sản chung gồm: 01 Ràn karaoke mua ngày 27/3/2024 giá 22.000.000đ, 01 tủ- 01 giường giá 13.400.000đ, 01 tủ lạnh 10.000.000đ, 01 tủ quần áo giá 8.000.000đ, 1 ghế ngủ 2.000.000đ, 01 ti vi nhãn hiệu sony mua năm 2022 giá 12.000.000đ . Tổng giá trị tài sản chung của vợ chồng

là 67.400.000đ (Sáu mươi bảy triệu, bốn trăm nghìn đồng). Đối với những tài sản trên nếu bà B lấy thì ông đồng ý chia đôi tài sản trên. Ngoài ra bà B còn đề nghị phân chia 3 sổ tiết kiệm có 80.000.000đ số tiền này nguồn gốc là của ông từ khi vợ đầu của ông còn sống nên không liên quan gì đến bà B. Nên ông không đồng ý yêu cầu phân chia số tiền 80.000.000đ này vì đây là tài sản riêng của ông. Còn tiền nuôi ông là B đề nghị số tiền 230.400.000đ (chia đôi bà một nửa, ông một nửa), ông có trách nhiệm đưa bà B số tiền 115.200.000đ là không có cơ sở vì ông có lương hiện nay mỗi tháng gần 20.000.000đ trong khi bà B lương có 6.500.000đ thì không có cơ sở ông nuôi bà B. Nên ông không đồng ý yêu cầu này của bà B.

Quá trình giải quyết vụ án bà B, ông T tự thoả thuận với nhau về phân chia một số tài sản gồm dàn karaoke, tủ, giường, tủ lạnh, tủ quần áo, bàn ăn, bể cá cảnh, tivi nên không đề nghị Toà án giải quyết.

Ngày 13/11/2024 Tòa án đã tiến hành mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải số: 134/TB-TA ngày 11/11/2024, bà B ông T thống nhất đề nghị Toà án giải quyết cho được ly hôn. Về tài sản hai bên không thoả thuận được số tiền 80.000.000đ và số tiền ăn 230.400.000đ.

Ngày 13/11/2024 ông T có đơn đề nghị Toà án giải quyết và xét xử vụ án vắng mặt, ngày 03/01/2025 bà B có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về yêu cầu phân chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn. Cùng ngày bà B có đơn đề nghị không hoà giải vụ án và đề nghị xét xử vụ án vắng mặt bà. Vì vậy, Toà án căn cứ vào khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có lý do (đều có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt), vì vậy, theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bà Đặng Thị B, ông Vũ Trung T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa HĐXX nhận định:

[1] Xét về quan hệ pháp luật: Bà Đặng Thị Bích khởi K yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Bỉm Sơn giải quyết cho bà được ly hôn với ông Vũ Trung T. Đây là quan hệ pháp luật "Ly hôn"; Bị đơn cư trú tại phường B, thi xã B, vì vậy thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Bỉm Sơn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự;

[2] Về yêu cầu của đương sự HĐXX thấy:

- Về hôn nhân: Bà Đăng Thi B và ông Vũ Trung T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND phường B, thị xã B đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vì tính tình không hợp nhau, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn vì liên quan đến con riêng của ông T, nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Quá trình giải quyết vụ án bà B cương quyết ly hôn, ông T cũng đồng ý. HĐXX thấy, bà B, ông T đến với nhau là lần 2, không có tiếng nói chung, hai bên không tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng và vợ chồng cũng đã ly thân nhau từ năm 2022 đến nay không ai quan tâm đến ai. Như vậy chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà B cương quyết xin ly hôn, ông T cùng đồng ý. Nên chấp nhận yêu cầu của bà B, xử cho bà B ly hôn với ông T là phù hợp.

- Về con cái: Vợ chồng không có con chung nên không đề nghị giải quyết nên HĐXX miễn xét.

- Về tài sản chung của vợ chồng: Bà Đăng Thi B có đơn rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện về phân chia tài sản chung của vợ chồng. Việc rút đơn yêu cầu của bà B là hoàn toàn tự nguyện phù hợp với quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, nên HĐXX không xem xét và chấp nhận đình chỉ xét xử đối với toàn bộ yêu cầu của bà Đặng Thị B đã rút.

[3] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Bà Đặng Thị B là người cao tuổi, có đơn đề nghị miễn án phí DSST nên miễn án phí DSST cho bà Đặng Thị Bích .

Bởi những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

* *Căn cứ*: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 271, 273, 278 và Điều 280 Bộ luật tố tụng Dân sự;

- Điều 51, 56, 57 và Điều 58 Luật hôn nhân gia đình;

- Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

* *Tuyên xử:*

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Bích đối V yêu cầu phân chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Bích .

+ Về hôn nhân: Xử cho bà Đặng Thị Bích ly H1 với ông Vũ Trung T.

+ Về con cái: Vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

+ Về tài sản chung của vợ chồng: Bà Đặng Thị Bích R toàn bộ yêu cầu phân chia tài sản chung của vợ chồng, ông Vũ Trung T không đề nghị Toà án giải quyết nên không xét.

* Về án phí DSST: Bà Đặng Thị Bích K1 phải nộp án phí DSST.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt bà Đặng Thị B và ông Vũ Trung T.

Bà Đặng Thị B và ông Vũ Trung T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc Tòa án niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- *VKSND Thị xã Bỉm sơn;*
- *Đương sự;*
- *THA Dân sự TX Bỉm sơn;*
- *Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa;*
- *UBND phường Bắc Sơn (17/3/2020);*
- *Lưu*

TỐNG THỊ HÀ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA